

Số: 73/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định chủ trương chuyển loại rừng từ rừng sản xuất
sang rừng phòng hộ trên địa bàn huyện Sơn Động**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Xét Tờ trình số 387/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương chuyển loại rừng từ rừng sản xuất sang rừng phòng hộ trên địa bàn huyện Sơn Động, cụ thể như sau:

1. Chuyển diện tích 242,0 ha rừng sản xuất sang rừng phòng hộ.

2. Địa điểm: Tại các xã An Lạc, Dương Hưu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Trong đó: xã An Lạc 204,6 ha, gồm 15 lô thuộc 10 khoảnh, 03 tiểu khu (gồm: khoảnh 42, 43, 61 tiểu khu 141; khoảnh 63, 75, 77 tiểu khu 150; khoảnh 59, 62, 74, 76 tiểu khu 146); xã Dương Hưu 37,4 ha, gồm 5 lô thuộc 02 khoảnh, 02 tiểu khu (gồm: khoảnh 4, tiểu khu 152A; khoảnh 6, tiểu khu 153).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 14 thông qua. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, thành ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, VP UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng

PHỤ LỤC

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH, HIỆN TRẠNG KHU VỰC CHUYỂN LOẠI RỪNG TỪ RỪNG SẢN XUẤT SANG RỪNG PHÒNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SƠN ĐỘNG
(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)

TT	Thôn, xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	Hiện trạng rừng	
						Ký hiệu	Tên trạng thái
I. Xã An Lạc		3 TK	10 K	15 L	204,6		
1	Rõng	141	42	2	26,7	TXN	Rừng TN, nghèo
2	Rõng	141	42	1	25,2	TXX	Rừng TN, nghèo kiệt
3	Rõng	141	42	5	26,1	TXX	Rừng TN, nghèo kiệt
4	Rõng	141	43	4	42,6	TXN	Rừng TN, nghèo
5	Rõng	141	43	5	17,5	TXX	Rừng TN, nghèo kiệt
6	Đồng Dương	146	59	1	5,1	TXX	Rừng TN, nghèo kiệt
7	Đồng Dương	146	59	4	3,6	TXX	Rừng TN, nghèo kiệt
8	Rõng	141	61	1	5,0	TXX	Rừng TN, nghèo kiệt
9	Rõng	141	61	4	1,7	TXN	Rừng TN, nghèo
10	Rõng	146	62	1	7,3	TXX	Rừng TN, nghèo kiệt
11	Rõng	150	63	6	12,2	TXN	Rừng TN, nghèo
12	Rõng	146	74	5	5,8	TXN	Rừng TN, nghèo
13	Rõng	150	75	1	1,7	TXN	Rừng TN, nghèo
14	Rõng	146	76	1	14,6	TXN	Rừng TN, nghèo
15	Rõng	150	77	1	9,5	TXN	Rừng TN, nghèo
II. Xã Dương Hưu		2 TK	2 K	5 L	37,4		
1	Mục	152A	4	3	7,0	TXX	Rừng TN, nghèo kiệt
2	Mục	152A	4	1	9,3	TXX	Rừng TN, nghèo kiệt
3	Mục	152A	4	9	10,7	TXX	Rừng TN, nghèo kiệt
4	Mục	152A	4	11	1,8	TXX	Rừng TN, nghèo kiệt
5	Thán	153	6	7	8,6	TXX	Rừng TN, nghèo kiệt
Tổng		5 TK	12 K	20 L	242,0		

